

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024-2025 (đợt 3) theo Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 05-KH/BCĐ ngày 10/4/2024 của Ban Chỉ đạo cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025 về việc thực hiện Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 24-TB/BCĐ ngày 21/8/2024 về việc Kết luận của đồng chí Đỗ Trọng Hưng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh tại Hội nghị đánh giá tiến độ thực hiện Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025; Thông báo số 468-TB/VPTU ngày 16/9/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy về kết luận của đồng chí Lại Thế Nguyên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tại buổi làm việc với Ban Chỉ đạo tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 172/TTr-SLĐTBXH ngày 18/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh sách hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025 (đợt 3) theo Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, như sau:

Tổng số hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024-2025 là **9.414**, trong đó:

+ Số lượng hộ đề nghị hỗ trợ xây mới là: **6.893** hộ.

+ Số lượng hộ đề nghị hỗ trợ sửa chữa là: **2.521** hộ.

(Có phụ lục, phụ biểu kèm theo).

Điều 2. Danh sách hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025 (đợt 3) tại Điều 1 là cơ sở để Ban chỉ đạo cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025 cấp tỉnh, cấp huyện xem xét, lựa chọn quyết định hỗ trợ cho các hộ gia đình theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ danh sách phê duyệt tại Quyết định này, lựa chọn hộ gia đình theo thứ tự ưu tiên quy định của Ban Chỉ đạo tỉnh tại các văn bản liên quan¹.

Trường hợp các hộ gia đình có thay đổi về xây mới, sửa chữa, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm ban hành quyết định điều chỉnh đảm bảo theo đúng quy định hiện hành, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo tỉnh để theo dõi.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện theo quy định.

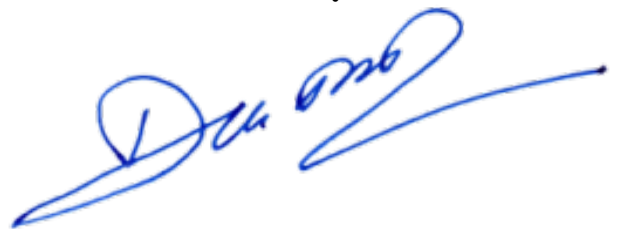
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các thành viên BCD tỉnh (theo Quyết định số 3209-QĐ/TU ngày 05/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy);
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, VX_{BTXH156}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đâu Thanh Tùng

¹ Hướng dẫn số 16-HD/BCĐ ngày 20/5/2024 của Ban Chỉ đạo tỉnh; Thông báo số 24-TB/BCĐ ngày 21/8/2024 của Ban Chỉ đạo tỉnh; Thông báo số 468-TB/VPTU ngày 16/9/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy; Thông báo số 474-TB/VPTU ngày 14/10/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa.

Phụ lục

**Bảng tổng hợp nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh
trong 02 năm 2024-2025 (đợt 3) theo Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)**

STT	Đơn vị	Tổng số hộ			Số hộ chính sách người có công			Số hộ nghèo			Số hộ còn khó khăn về nhà ở			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa	
	Tổng cộng	9.414	6.893	2.521	95	70	25	4.129	3.068	1.061	5.190	3.755	1.435	
1	TP.Thanh Hoá	116	71	45	01		01	5	5		110	66	44	Phụ biểu 1
2	TX Bim Sơn	93	49	44	01	01		42	25	17	50	23	27	Phụ biểu 2
3	TP. Sầm Sơn	100	89	11				41	40	01	59	49	10	Phụ biểu 3
4	TX Nghi Sơn	62	30	32	01		01	31	17	14	30	13	17	Phụ biểu 4
5	Vĩnh Lộc	76	35	41				12	6	6	64	29	35	Phụ biểu 5
6	Nông Cống	74	48	26				25	15	10	49	33	16	Phụ biểu 6
7	Thiệu Hoá	89	88	01				17	17	0	72	71	01	Phụ biểu 7
8	Triệu Sơn	107	79	28				34	25	9	73	54	19	Phụ biểu 8
9	Yên Định	158	143	15				50	45	5	108	98	10	Phụ biểu 9
10	Thọ Xuân	101	58	43	01		01	44	26	18	56	32	24	Phụ biểu 10
11	Hà Trung	63	61	02	02	02		29	28	01	32	31	01	Phụ biểu 11
12	Đông Sơn	24	24					01	01		23	23		Phụ biểu 12
13	Quảng Xương	212	125	87				83	53	30	129	72	57	Phụ biểu 13
14	Hoằng Hoá	155	135	20				42	37	05	113	98	15	Phụ biểu 14
15	Hậu Lộc	165	134	31	03	02	01	84	66	18	78	66	12	Phụ biểu 15
16	Nga Sơn	77	72	05	01	01		15	13	02	61	58	3	Phụ biểu 16
17	Như Thanh	419	322	97	02	02		187	136	51	230	184	46	Phụ biểu 17
18	Thạch Thành	335	246	89	03	02	01	157	109	48	175	135	40	Phụ biểu 18
19	Cẩm Thủy	327	244	83	05	03	02	118	79	39	204	162	42	Phụ biểu 19

STT	Đơn vị	Tổng số hộ			Số hộ chính sách người có công			Số hộ nghèo			Số hộ còn khó khăn về nhà ở			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa	
20	Ngọc Lặc	592	526	66	04	03	01	266	225	41	322	298	24	Phụ biểu 20
21	Như Xuân	332	238	94	01		01	255	186	69	76	52	24	Phụ biểu 21
22	Thường Xuân	201	118	83	22	14	8	62	41	21	117	63	54	Phụ biểu 22
23	Lang Chánh	759	550	209	12	10	02	314	226	88	433	314	119	Phụ biểu 23
24	Bá Thước	2.681	1.739	942				1.133	769	364	1.548	970	578	Phụ biểu 24
25	Quan Hoá	1.254	982	272	21	19	02	644	513	131	589	450	139	Phụ biểu 25
26	Quan Sơn	454	299	155	15	11	04	226	153	73	213	135	78	Phụ biểu 26
27	Mường Lát	388	388					212	212		176	176		Phụ biểu 27